TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 87/2023/QĐST-HNGĐ	*Bình Thạnh, ngày 18 tháng 1 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2163/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông **Trần Thanh B,** sinh năm: 1976, địa chỉ: 165 C, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Và Bà **Lê Thị Kiều L**, sinh năm:1977, địa chỉ: 165 X, Phường K, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và các biên bản tại Tòa án, các đương sự đã thỏa thuận được những nội dung sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Thanh B và bà Lê Thị Kiều L thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên là Trần Thanh V sinh ngày 10/9/1994 (đã trưởng thành) và Trần Vũ Như Q sinh ngày 10/8/2008. Sau ly hôn, đôi bên thỏa thuận giao trẻ Trần Vũ Như Q sinh ngày 10/8/2008 cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông B cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: không có.

[4] Về lệ phí Tòa án: 300.000 đồng, ông Trần Thanh B và bà Lê Thị Kiều L phải chịu.

Xét việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Thanh B và bà Lê Thị Kiều L thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 102/KH.UB, quyển số 01/2004 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh A cấp ngày 17/11/2004 cho bà L và ông B hết hiệu lực kể từ ngày ban hành quyết định này.

- Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên là Trần Thanh V sinh ngày 10/9/1994 (đã trưởng thành) và Trần Vũ Như Q sinh ngày 10/8/2008. Sau ly hôn, đôi bên thỏa thuận giao trẻ Trần Vũ Như Q sinh ngày 10/8/2008 cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông B cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành.

Ông B được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở. Vì lợi ích của con khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Kể từ khi bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông B chưa thi hành số tiền nêu trên thì ông B còn phải trả cho bà L tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: không có.

2. *Về lệ phí*: Lệ phí thuận tình ly hôn là 300.000 đồng, Ông Trần Thanh B và bà Lê Thị Kiều L tự nguyện nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2022/0018738 ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận B, Tp.HCM. Ông Trần Thanh B và bà Lê Thị Kiều L đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Quận B;
- UBND xã P, huyện G, tỉnh A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Ngọc Yến